VĂN BẢN HỢP NHẤT - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng

Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 7 tháng 5 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 08/2019/TT-NHNN ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2019.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng (sau đây gọi là Nghị định số 26/2014/NĐ-CP) về:

1. Phân công trách nhiệm thanh tra, giám sát đối với đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng.

---

[1] Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng và Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2015/TT-NHNN)."

2. Thực hiện kiểm toán độc lập phục vụ thanh tra, giám sát ngân hàng.

3. Trình tự, thủ tục kéo dài thời hạn một cuộc thanh tra trên 70 ngày.

4. Công khai kết luận thanh tra.

5. Tiêu chuẩn thanh tra viên ngân hàng.

6. Chế độ thông tin, báo cáo.

7. Mối quan hệ giữa các cơ quan, đơn vị trong Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh).

8. Quyền, trách nhiệm phối hợp giữa các đơn vị trong Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong thực hiện thanh tra pháp nhân đối với đối tượng thanh tra ngân hàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

3. Đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến tổ chức, hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị trực thuộc của đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc hoặc phụ thuộc khác không phải công ty con, công ty liên kết.

2. Thanh tra pháp nhân đối với đối tượng thanh tra ngân hàng là cuộc thanh tra được tiến hành đồng thời tại trụ sở chính và tất cả hoặc một số đơn vị trực thuộc của đối tượng thanh tra ngân hàng bằng một kế hoạch tiến hành thanh tra và ban hành một kết luận thanh tra đối với đối tượng thanh tra ngân hàng.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân công trách nhiệm thanh tra đối với các đối tượng thanh tra ngân hàng[2]

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng chịu trách nhiệm thanh tra theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng thanh tra ngân hàng sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước, trừ các đối tượng do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quản lý theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

b) Ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c) Ngân hàng chính sách;

d) Ngân hàng hợp tác xã;

đ) Ngân hàng liên doanh;

e) Ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

g) Một số chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

h) Ngân hàng thương mại cổ phần;

i) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

k) Tổ chức tài chính vi mô;

l) Một số chương trình, dự án tài chính vi mô theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

m) Tổ chức hoạt động thông tin tín dụng;

---

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2019.

n) Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

o) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

p) Nhà máy In tiền Quốc gia;

q) Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam;

r) Công ty con của tổ chức tín dụng quy định tại các Điểm b, d, đ, e, h, i Khoản này mà công ty con này không phải là tổ chức tín dụng nhưng thuộc trách nhiệm thanh tra của Ngân hàng Nhà nước, trừ đối tượng thuộc trách nhiệm thanh tra của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

s) Đối tượng thanh tra thuộc trách nhiệm thanh tra của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong trường hợp thanh tra lại hoặc khi cần thiết và theo chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

t) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

2. Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chịu trách nhiệm thanh tra theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng thanh tra ngân hàng sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (sau đây gọi tắt là địa bàn tỉnh, thành phố), trừ đối tượng quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều này;

c) Đơn vị trực thuộc của đối tượng thanh tra thuộc trách nhiệm thanh tra của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại Khoản 1 Điều này (trừ đối tượng quy định tại các Điểm p, q Khoản 1 Điều này), của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác mà đơn vị trực thuộc này có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

d) Quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

đ) Chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn tỉnh, thành phố, trừ đối tượng quy định tại Điểm l Khoản 1 Điều này;

e) Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

g) Tổ chức có hoạt động ngoại hối, hoạt động kinh doanh vàng; tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không phải là ngân hàng có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố, trừ đối tượng quy định tại Điểm q Khoản 1 Điều này;

h) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn tỉnh, thành phố có nghĩa vụ chấp hành các quy định pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước;

i) Đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền ngoài các đối tượng quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g, h Khoản này;

k) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

3. Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện thanh tra đối với đối tượng thanh tra thuộc trách nhiệm thanh tra của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác theo chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Phân công trách nhiệm giám sát đối với các đối tượng giám sát ngân hàng[3]

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng chịu trách nhiệm giám sát an toàn vi mô theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng giám sát ngân hàng sau đây:

a) Ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Ngân hàng hợp tác xã;

c) Ngân hàng liên doanh;

d) Ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

---

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2019.

đ) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

e) Ngân hàng thương mại cổ phần;

g) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

h) Tổ chức tài chính vi mô;

i) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

2. Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chịu trách nhiệm giám sát an toàn vi mô theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng giám sát ngân hàng sau đây:

a) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố, trừ đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này;

b) Đơn vị trực thuộc của đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại Khoản 1 Điều này, của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác mà đơn vị trực thuộc này có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

c) Quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

d) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện giám sát an toàn vĩ mô đối với toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện giám sát theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng sau đây:

a) Ngân hàng chính sách;

b) Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

c) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

d) Tổ chức hoạt động thông tin tín dụng;

đ) Công ty con của tổ chức tín dụng quy định tại các Điểm a, b, c, d, e, g Khoản 1 Điều này mà công ty con này không phải là tổ chức tín dụng nhưng thuộc

trách nhiệm giám sát của Ngân hàng Nhà nước, trừ đối tượng thuộc trách nhiệm giám sát của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

e) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

5. Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện giám sát theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng sau đây:

a) Đơn vị trực thuộc của đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại Khoản 4 Điều này mà đơn vị trực thuộc này có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

b) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

Điều 6. Thực hiện kiểm toán độc lập phục vụ yêu cầu thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Thẩm quyền yêu cầu thực hiện việc kiểm toán độc lập:

a)[4] Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu thực hiện kiểm toán độc lập đối với đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng quy định tại Khoản 1 Điều 4, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 5 Thông tư này;

b)[5] Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu thực hiện kiểm toán độc lập đối với đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 4, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

---

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2019.

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2019.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện yêu cầu thực hiện việc kiểm toán độc lập:

a) Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng thực hiện kiểm toán độc lập, trong văn bản nêu rõ tối thiểu các vấn đề: Mục đích, yêu cầu kiểm toán, phạm vi, nội dung kiểm toán, thời gian kiểm toán, thời hạn nộp báo cáo kiểm toán. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng thực hiện việc kiểm toán độc lập theo nội dung đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt;

b) Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) phê duyệt yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng thực hiện kiểm toán độc lập, trong văn bản nêu rõ tối thiểu các vấn đề: Mục đích, yêu cầu kiểm toán, phạm vi, nội dung kiểm toán, thời gian kiểm toán, thời hạn nộp báo cáo kiểm toán, đơn vị thuộc Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng nhận kết quả kiểm toán. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thông báo đến Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (thông báo qua Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh). Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng nước chi nhánh có văn bản yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng thực hiện việc kiểm toán độc lập theo nội dung đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thực hiện kiểm toán, đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng được yêu cầu thực hiện kiểm toán độc lập phải tổ chức thuê công ty kiểm toán độc lập kiểm toán theo yêu cầu của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng; trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán, đối tượng được yêu cầu thực hiện kiểm toán

phải nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện kết quả kiểm toán độc lập cho đơn vị thuộc Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng được giao là đơn vị nhận kết quả kiểm toán.

Điều 7. Trình tự, thủ tục kéo dài thời hạn một cuộc thanh tra trên 70 ngày

1. Trưởng đoàn thanh tra có văn bản đề nghị người ra quyết định thanh tra gia hạn thời gian thanh tra. Văn bản đề nghị phải nêu rõ lý do, thời gian gia hạn.

2. Trường hợp người ra quyết định thanh tra là Thống đốc Ngân hàng nước hoặc Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng thì Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Trường hợp người ra quyết định thanh tra là Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thì Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng để báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Trường hợp người ra quyết định thanh tra là Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thì Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

5. Trường hợp người ra quyết định thanh tra là Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thì Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

6. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, người ra quyết định thanh tra ra quyết định gia hạn thời gian thanh tra.

7. Trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ chưa quyết định gia hạn thời gian thanh tra mà thời hạn thanh tra đã hết thì đoàn thanh tra tạm dừng việc thanh tra tại nơi được thanh tra; thời gian tạm dừng việc thanh tra không tính vào thời gian thanh tra được gia hạn. Khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định gia hạn thời

gian thanh tra, đoàn thanh tra tiếp tục việc thanh tra tại nơi được thanh tra; trường hợp Thủ tướng Chính phủ không đồng ý gia hạn thời gian thanh tra thì đoàn thanh tra phải kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra và thực hiện các công việc tiếp theo của việc kết thúc thanh tra theo quy trình tiến hành một cuộc thanh tra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Công khai kết luận thanh tra

1. Việc công khai kết luận thanh tra được thực hiện theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 22 Nghị định số 26/2014/NĐ-CP.

2. Nội dung nhạy cảm mà việc công bố có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có liên quan quy định tại Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 26/2014/NĐ-CP gồm:

a) Nội dung có thể tạo hiệu ứng rút tiền tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Nội dung có thể tác động tiêu cực lan truyền đến đối tượng thanh tra ngân hàng khác hoặc lên toàn hệ thống ngân hàng;

c) Nội dung ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của đối tượng thanh tra ngân hàng có thể dẫn đến mất an toàn hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng;

d) Nội dung ảnh hưởng tiêu cực đến cung, cầu trên thị trường tiền tệ và điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước;

đ) Nội dung có thể tác động làm khách hàng ngừng, chấm dứt hợp đồng sử dụng dịch vụ ngân hàng dẫn đến rủi ro mất an toàn hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quan;

e) Nội dung có liên quan đến vi phạm pháp luật, dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng chưa có kết luận hoặc đã chuyển cơ quan chức năng xem xét, xử lý nhưng chưa có kết luận chính thức;

g) Các nội dung nhạy cảm khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối với kết luận thanh tra pháp nhân đối tượng thanh tra ngân hàng, nếu lựa chọn hình thức công khai là niêm yết kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra thì niêm yết kết luận thanh tra tại trụ sở chính của đối tượng thanh tra ngân hàng.

Điều 9. Tiêu chuẩn thanh tra viên ngân hàng

1. Ngoài những tiêu chuẩn chung của thanh tra viên quy định tại Luật Thanh tra và văn bản pháp luật liên quan, thanh tra viên ngân hàng phải có các tiêu chuẩn sau đây:

a) Về năng lực: Có kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức pháp luật trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước (tiêu chuẩn này áp dụng đối với ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính, thanh tra viên cao cấp);

b) Về trình độ: Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về thanh tra, giám sát ngân hàng do Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước cấp (tiêu chuẩn này áp dụng đối với ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính);

c)[6] Về kinh nghiệm: Đã tham gia ít nhất 02 cuộc thanh tra hoặc ít nhất 01 cuộc thanh tra (nếu là Trưởng đoàn thanh tra) và được Trưởng đoàn thanh tra hoặc người ra quyết định thanh tra (nếu là Trưởng đoàn thanh tra) đánh giá là hoàn thành chức trách, nhiệm vụ trở lên (tiêu chuẩn này áp dụng đối với ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính).

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước, Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt và tổ chức thực hiện.

---

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2019.

Điều 10. Chế độ thông tin, báo cáo[7]

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng làm đầu mối tổng hợp, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Tổng Thanh tra Chính phủ, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền về công tác thanh tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng và tội phạm, phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cấp có thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và các mặt công tác của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

2. Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tổng hợp, báo cáo Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để báo cáo Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng về các mặt công tác của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

3. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài; tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; tổ chức có hoạt động ngoại hối, hoạt động kinh doanh vàng; tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không phải là ngân hàng có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, báo cáo theo định kỳ hoặc khi cần thiết cho Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước hoặc yêu cầu của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.

Điều 11. Mối quan hệ giữa Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[8]

---

[7] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2019.

[8] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2019.

1. Mối quan hệ giữa Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (bao gồm cả Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh):

a) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng chủ trì xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thanh tra hằng năm của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra, giám sát, quản lý cấp phép, phòng, chống tham nhũng, tội phạm, giải quyết, xử lý khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân trong phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cử thanh tra viên ngân hàng, công chức khác tham gia đoàn thanh tra;

c) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi có dấu hiệu rủi ro đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành thanh tra đối với đối tượng thanh tra ngân hàng thuộc trách nhiệm của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Trường hợp Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không đồng ý thì Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng ra quyết định thanh tra, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quyết định của mình;

d) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi có dấu hiệu rủi ro đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đề nghị Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiến hành thanh tra đối với đối tượng thanh tra ngân hàng thuộc trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

đ) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đề nghị Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hướng dẫn đối với các vấn đề thuộc lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

e) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng chỉ đạo, hướng dẫn Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về công tác, nghiệp vụ thanh tra, giám sát, cấp phép, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố;

g) Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

h) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng cung cấp cho Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết quả thanh tra, giám sát có liên quan đến đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

2. Khi có đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về hoạt động quản lý, thanh tra, giám sát ngân hàng liên quan đến đối tượng quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động trên địa bàn để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện nhiệm vụ đầu mối của Ngân hàng Nhà nước trên địa bàn trong việc thực hiện nhiệm vụ báo cáo, quan hệ với cấp ủy, chính quyền địa phương, Đoàn Đại biểu Quốc hội; báo cáo, trả lời chất vấn theo yêu cầu của cấp ủy, chính quyền địa phương và Đoàn Đại biểu Quốc hội, xử lý kiến nghị về tiền tệ và ngân hàng trên địa bàn.

3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phối hợp công tác theo quy chế làm việc của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 12.[9] ***(được bãi bỏ)***

---

[9] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2019.

Điều 13. Mối quan hệ giữa các Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh với nhau

1. Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đề xuất, trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác chỉ đạo Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện:

a) Phối hợp thực hiện thanh tra pháp nhân đối với đối tượng thanh tra ngân hàng;

b) Thanh tra, giám sát công ty con, công ty liên kết, đơn vị trực thuộc của đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng thuộc trách nhiệm thanh tra, giám sát của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đối tượng thanh tra ngân hàng đặt trụ sở chính;

c) Cử thanh tra viên ngân hàng, công chức khác tham gia đoàn thanh tra.

2. Các Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chủ động phối hợp, cung cấp, trao đổi kết quả thanh tra, giám sát, thông tin, tài liệu với nhau theo quy định của pháp luật để phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Trường hợp phát hiện đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có dấu hiệu rủi ro, nguy cơ mất an toàn hoạt động, Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phải chủ động thông báo hoặc kịp thời đề nghị Thanh tra, giám sát Ngân hàng nước chi nhánh có liên quan kèm theo hồ sơ, tài liệu (nếu có) để xem xét, thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quyền, trách nhiệm phối hợp giữa các đơn vị trong Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong thực hiện thanh tra pháp nhân đối với đối tượng thanh tra ngân hàng

1. Đơn vị chủ trì tiến hành thanh tra pháp nhân đối với đối tượng thanh tra ngân hàng có quyền đề nghị đơn vị liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, cử thanh tra viên ngân hàng, công chức khác tham gia đoàn thanh tra; có trách nhiệm giúp người ra quyết định thanh tra trong việc thực hiện giám sát hoạt động đoàn thanh tra.

2. Đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp trong việc thực hiện thanh tra pháp nhân, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu, cử thanh tra viên ngân hàng, công chức khác tham gia đoàn thanh tra đối với đối tượng thanh tra ngân hàng theo đề nghị của đơn vị chủ trì tiến hành thanh tra; có quyền từ chối thực hiện đề nghị của đơn vị chủ trì, đồng thời báo cáo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng nếu đề nghị của đơn vị chủ trì không đúng quy định của pháp luật và chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 15. Áp dụng các quy định khác trong hoạt động thanh tra[10]

Hoạt động thanh tra của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 26/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng) và Thông tư này. Trường hợp Nghị định số 26/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 43/2019/NĐ-CP) và Thông tư này không quy định thì áp dụng các quy định của pháp luật về thanh tra và quy định có liên quan của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[11,12]

---

[10] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2019.

[11] Điều 3 của Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 7 năm 2019 quy định như sau:

"Điều 3. Xử lý đối với các cuộc thanh tra do Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thành phố Hà Nội, Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng ký Quyết định thanh tra, thành lập Đoàn thanh tra nhưng chưa ban hành kết luận thanh tra

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2015 và thay thế Thông tư số 04/2000/TT-NHNN3 ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định số 91/1999/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngân hàng.

---

1. Đối với các cuộc thanh tra do Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thành phố Hà Nội thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng ký Quyết định thanh tra, thành lập Đoàn thanh tra mà đến hết ngày 04 tháng 7 năm 2019 chưa ban hành kết luận thanh tra thì Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra, bao gồm cả việc ký ban hành kết luận thanh tra.

2. Đối với các cuộc thanh tra do Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng ký Quyết định thanh tra, thành lập Đoàn thanh tra mà đến hết ngày 04 tháng 7 năm 2019 chưa ban hành kết luận thanh tra thì Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra, bao gồm cả việc ký ban hành kết luận thanh tra."

[12] Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 08/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2019 quy định như sau:

"Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2019, trừ quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

2. Điều 3 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2019.

3. Khoản 4 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2019./."

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: 17/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2019
KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng